

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2026/DS-ST

Ngày: 20/3/2026

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Hồng Phượng;

Ông Lâm Kim Mến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 145/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2026/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ trụ sở chính: Số B đường L, phường G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Huỳnh Ngọc T, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh V, địa chỉ: Số D đường N, Khu V, phường V, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Bà Trần Hồng T1, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: Số F khu V, phường V, thành phố Cần Thơ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Võ Hoàng M, sinh năm 1963 (vắng mặt);

2. Ông Võ Trung T2, sinh năm 1990 (vắng mặt);

3. Bà Võ Thị Phụng T3, sinh năm 1985 (vắng mặt);
4. Ông Võ Thanh M1, sinh năm 1988 (vắng mặt);
5. Bà Nguyễn Thị L (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số F khu vực T, phường V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 10 năm 2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/3/2022, Ngân hàng N Chi nhánh V với bà Trần Hồng T1 đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 7606LAV2022200294 ngày 30/3/2022. Theo Hợp đồng, Ngân hàng cho bà Trần Hồng T1 vay số tiền 250.000.000 đồng; mục đích vay: Mua sắm vật dụng sinh hoạt; lãi suất 9%/năm; thanh toán trả lãi hàng quý, trả nợ gốc cuối kỳ; thời hạn vay là 12 tháng. Hợp đồng tín dụng trên được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp sau: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2021.25/HĐTC ngày 11/3/2021 được ký kết giữa bà Trần Hồng T1 và Ngân hàng N Chi nhánh V; tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I188030, có diện tích 17.430 m², các thửa số 39, 392, 393; cùng tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại khu vực T, phường V, thành phố Cần Thơ do Ủy ban nhân dân huyện V cấp cho hộ ông Võ Hoàng M. Sau khi ký hợp đồng thì Ngân hàng N đã giải ngân và người vay đã nhận đủ tiền vay. Tuy nhiên, phía người vay không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng nên phát sinh tranh chấp. Nay Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Buộc bà Trần Hồng T1 có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N số tiền vay gốc 250.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh đến ngày 20/3/2026 là 133.591.419 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 20/3/2026 cho đến khi bị đơn trả hết nợ gốc cho Ngân hàng N theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng.

Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Hồng T1 trình bày: Bà thống nhất số nợ như đại diện Ngân hàng N trình bày. Trường hợp bà không trả được nợ thì bà đồng ý phát mãi tài sản thế chấp theo quy định. Hiện nay hoàn cảnh gia đình bà khó khăn chưa có khả năng trả nợ, khi nào có tiền thì bà sẽ trả cho Ngân hàng N.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông (bà) Võ Hoàng M, Võ Trung T2, Võ Thị Phụng T3, Nguyễn Thị L, Võ Thanh M1: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa vắng mặt, không thể hiện ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đại diện nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Còn đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông (bà) Võ Hoàng M, Võ Trung T2, Võ Thị Phụng T3, Nguyễn Thị L, Võ Thanh M1 chưa chấp hành đúng quy định pháp luật do vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Trần Hồng T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền vay còn nợ tính đến ngày 20/3/2026 là 383.591.419 đồng, trong đó nợ gốc là 250.000.000 đồng và nợ lãi là 133.591.419 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng đến khi thanh toán xong số nợ. Trường hợp bà T1 không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên cho Ngân hàng N thì đề nghị Tòa án tuyên cho Ngân hàng N được quyền phát mãi các tài sản bảo đảm tiền vay là quyền sử dụng đất diện tích 17.430 m² thuộc các thửa số 39, 392, 393, cùng tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại khu vực T, phường V, thành phố Cần Thơ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I188030 ngày 14/02/1997 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp cho hộ ông Võ Hoàng M2 để thanh toán nợ cho Ngân hàng N.

Đề nghị tuyên án phí, chi phí thẩm định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bị đơn bà Trần Hồng T1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông (bà) Võ Hoàng M, Võ Trung T2, Võ Thị Phụng T3, Nguyễn Thị L, Võ Thanh M1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N về việc trả số tiền vay:

[2.1] Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N tổng số nợ tính đến ngày 20/3/2026 là 383.591.419 đồng, trong đó nợ gốc là 250.000.000 đồng và nợ lãi là 133.591.419 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng đến khi thanh toán xong nợ. Chứng cứ Ngân hàng N đưa ra là: Hợp đồng tín dụng số 7606LAV2022200294 ngày 30/3/2022, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2021.25/HĐTC ngày 11/3/2021 giữa bà Trần Hồng T1 và Ngân hàng N. Xét thấy, những chứng cứ nêu trên thể hiện số tiền bà T1 vay gốc là 250.000.000 đồng, chưa trả nợ gốc. Trong quá trình giải quyết vụ án bà T1 cũng thống nhất còn nợ số tiền như đại diện nguyên đơn trình bày. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì lời trình bày của đại diện nguyên đơn và chứng cứ nguyên đưa ra là có căn cứ và nguyên đơn không cần phải chứng minh.

[2.2] Nhận thấy khi thực hiện thỏa thuận vay tiền, nguyên đơn Ngân hàng N đã thực hiện việc giao đầy đủ số tiền như cam kết cho bị đơn nhưng bị đơn không thực

hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán số tiền vay cho nguyên đơn khi đến hạn, làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của nguyên đơn, vi phạm hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết, thỏa thuận và vi phạm Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024. Do đó nguyên đơn Ngân hàng N yêu cầu bị đơn bà T1 có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc là 250.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về tiền lãi: Đối với số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Số tiền lãi còn lại các bị đơn phải trả tính đến hết ngày 20/3/2026 là 133.591.419 đồng và bà T1 phải liên đới trả lãi phát sinh sau ngày 20/3/2026 theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày trả hết nợ.

[3] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2021.25/HĐTC ngày 11/3/2021 giữa bà Trần Hồng T1 và Ngân hàng N. Đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên cho nguyên đơn được quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 17.430m² thuộc các thửa số 39, 392, 393, cùng tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại khu vực T, phường V, thành phố Cần Thơ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I188030 ngày 14/02/1997 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp cho hộ ông Võ Hoàng M2 để thanh toán nợ cho Ngân hàng N. Nhận thấy hợp đồng thế chấp đã được chứng thực tại Văn phòng C và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất đai thị xã V đúng theo quy định. Vì vậy, trong trường hợp bà T1 không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng N yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ và đúng quy định.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 200.000 đồng, bà T1 phải chịu. Do Ngân hàng N đã nộp tạm ứng trước nên bà T1 phải có nghĩa vụ liên đới nộp 200.000 đồng để trả lại cho Ngân hàng N, nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Trần Hồng T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, bị đơn bà Trần Hồng T1, sinh năm 1961, là người cao tuổi (trên 60 tuổi) và có đơn yêu cầu miễn nộp tiền án phí nên bà T1 thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ngân hàng N không phải chịu án phí, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải

quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến thời điểm xét xử vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 147, Điều 157, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 100, Điều 103 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N đối với bị đơn bà Trần Hồng T1.

1. Buộc bị đơn bà Trần Hồng T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N số tiền còn nợ tổng là 383.591.419 đồng (Ba trăm tám mươi ba triệu, năm trăm chín mươi một nghìn, bốn trăm mười chín đồng), trong đó nợ gốc là 250.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 20/3/2026 là 133.591.419 đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 7606LAV2022200294 ngày 30/3/2022.

2. Trong trường hợp bị đơn bà Trần Hồng T1 không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2021.25/HĐTC ngày 11/3/2021, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 17.430 m² thuộc các thửa số 39, 392, 393, cùng tờ bản đồ số 01, đất tọa lạc tại khu vực T, phường V, thành phố Cần Thơ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I188030 ngày 14/02/1997 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp cho hộ ông Võ Hoàng M2 đứng tên để thanh toán nợ cho Ngân hàng N.

3. Về chi phí tố tụng: Bị đơn bà Trần Hồng T1 phải nộp chi phí tố tụng là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) để hoàn trả cho Ngân hàng N, nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Trần Hồng T1 được miễn án phí. Ngân hàng N không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.821.263 đồng (Mười triệu, tám trăm hai mươi một nghìn, hai trăm sáu mươi ba đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009675 ngày 14/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố CT;
- VKSND khu vực 8 - CT;
- Phòng THADS khu vực 8 - CT;
- Các đương sự, đại diện DS;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mến